TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 18/9/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hiệp.
- Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài, Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 125/2025/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 81/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh ngày 21/10/1993

Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 02/06/2025, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày: Bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn K có tổ chức tiệc cưới năm 2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 01/12/2011, số giấy chứng nhận kết hôn:

163. Trong thời gian đầu cuộc sống gia đình rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng cuối năm 2022 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không còn hợp nhau và không có tiếng nói chung từ đó đã sống ly thân, từ tháng 12 năm 2023 bà Phạm Thị D đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong quá trình chung sống bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn K có 02 người con chung tên: Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 01/02/2012 và cháu Nguyễn Phạm Bảo N1, sinh ngày 21/3/2017, hiện nay 02 con chung đang có cuộc sống ổn định cùng ông Nguyễn Văn K. Nhận thấy trong thời gian chung sống với nhau giữa bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn K phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải nhau, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và sống ly thân. Bà Phạm Thị D xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 01/02/2012 và cháu Nguyễn Phạm Bảo N1, sinh ngày 21/3/2017 hiện nay 02 con chung đang có cuộc sống ổn định cùng ông Nguyễn Văn K nên đồng ý giao 02 con chung cho ông Nguyễn Văn K được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, từ sau khi ly hôn cho đến tuổi trưởng thành và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K*:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn K theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Nguyễn Văn K không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm nghị án, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phạm Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Về con chung: giao cho ông Nguyễn Văn K được trực tiếp nuôi 02 người con chung tên Nguyễn Thị

Bảo N, sinh ngày 01/02/2012 và Nguyễn Phạm Bảo N1, sinh ngày 21/3/2017 đến khi đủ 18 tuổi, bà Phạm Thị Diễm K1 phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn Phạm Thị Diễm . Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, bà Phạm Thị D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Phạm Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn K vắng mặt, đã được toà án triệu tập hợp lệ để tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 01/12/2011 cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Phạm Thị D có kết hôn với bị đơn Nguyễn Văn K là sự thật, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Vì vậy, giữa bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn K đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm thường xuyên cải vã làm cho tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn K không còn tiếp tục sống chung với nhau từ năm 2023.

Nguyên đơn kiên quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn K không còn tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Phạm Thị D và bị đơn Nguyễn Văn K thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Phạm Thị D đối với bị đơn Nguyễn Văn K là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà Phạm Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn K có 02 người con chung tên: Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 01/02/2012 và cháu Nguyễn Phạm Bảo N1, sinh ngày 21/3/2017 hiện nay 02 con chung đang có cuộc sống ổn định cùng ông Nguyễn Văn K. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn khởi kiện Bà Phạm Thị D đồng ý giao 02 con chung cho ông Nguyễn Văn K được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 01/02/2012 và cháu Nguyễn Phạm Bảo N1, sinh ngày 21/3/2017 đến thời điểm xét xử điều đã trên 7 tuổi nên có quyền thể hiện nguyện vọng của mình được sống với cha hoặc mẹ khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ vào lời khai của cháu Nguyễn Thị Bảo N và cháu Nguyễn Phạm Bảo N1, thì các cháu điều có nguyện vọng được sống với cha ông Nguyễn Văn K. Nhận thấy nguyện vọng của cháu cháu Nguyễn Thị Bảo N và cháu Nguyễn Phạm Bảo N1 được thể hiện một cách tự nguyện không ai ép buộc, cuộc sống của các cháu khi sống chung với ông Nguyễn Văn K được đảm bảo các cháu vẫn sinh sống ổn định phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị D cũng đồng ý để ông

Nguyễn Văn K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, còn ông Nguyễn Văn K không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo cho cuộc sống của cháu Nguyễn Thị Bảo N và cháu Nguyễn Phạm Bảo N1 được ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để giao Nguyễn Thị Bảo N và cháu Nguyễn Phạm Bảo N1 cho ông Nguyễn Văn K được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Phạm Thị D trình bày không cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn Văn K không có ý kiến yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, Khoản 1, Khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a Khoản 5, điểm an Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm .

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

2/ Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn K được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 01/02/2012 và cháu Nguyễn Phạm Bảo N1, sinh ngày 21/3/2017 đến khi đủ 18 tuổi. Trong thời gian ông Nguyễn Văn K nuôi con, không ai có quyền cản trở sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bị đơn ông Nguyễn Văn K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001751 ngày 06/06/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ), bà Phạm Thị D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Toàn

Nơi nhận
- VKS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- Phòng THA.DS khu vực 8 - Cần Thơ;
- UBND xã Ngọc Tố;
- Lưu hồ sơ.